

Số: 198/QĐ-PYT

Biên Hòa, ngày 04 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019 của Phòng Y tế

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5849/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán ngân sách năm 2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của Phòng Y tế (Kèm Quyết định số 5849/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán ngân sách năm 2019)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó trưởng phòng, Kế toán và các tổ liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính kế hoạch;
- Lưu :VT.

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
Y TẾ
Trần Hữu Hậu

Số: 5849/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 14 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 đã được Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 11/12/2018 của Sở Tài chính Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND và số 65/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa khóa XI – Kỳ họp thứ 10 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ chi ngân sách thành phố và mức bổ sung ngân sách cấp dưới năm 2019 trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 56/TTr-TCKH ngày 18/12/2018 về việc giao dự toán ngân sách năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho Phòng Y tế (phân bổ nội dung cụ thể theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trưởng Phòng Y tế có trách nhiệm tổ chức điều hành và thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước được giao theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước Biên Hòa và Trưởng Phòng Y tế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. Thành ủy BH;
- TT. HĐND TPBH;
- CT, các PCT/UBND TP;
- Chánh, Phó VP. HĐND-UBND TP;
- Lưu VT, TH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Anh Dũng

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5849/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của UBND thành phố Biên Hòa)

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019Đơn vị: **PHÒNG Y TẾ**Mã số: **1013459**Đơn vị tính: **đồng**

| STT | Nội dung | Tổng số |
|------------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | - |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | 270.000.000 |
| 1.1 | Lệ phí | 50.000.000 |
| | - Lệ phí VSATTP | 50.000.000 |
| 1.2 | Phí | 220.000.000 |
| | - Phí thẩm định VSATTP | 220.000.000 |
| 2 | Số thu khác | 490.000.000 |
| | - Thu xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế: | 490.000.000 |
| 3 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | 176.000.000 |
| 3.1 | Chi quản lý hành chính | 176.000.000 |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 176.000.000 |
| | - Phí thẩm định VSATTP | 176.000.000 |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | |
| 4 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | 584.000.000 |
| 4.1 | Lệ phí | 50.000.000 |
| | - Lệ phí VSATTP | 50.000.000 |
| 4.2 | Phí | 44.000.000 |
| | - Phí thẩm định VSATTP | 44.000.000 |
| 4.3 | Thu khác | 490.000.000 |
| | - Thu xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế: | 490.000.000 |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 1.618.000.000 |
| 1 | Chi quản lý hành chính: | 1.618.000.000 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện tự chủ | 1.318.000.000 |
| 1.1.1 | Thanh toán cá nhân : | 768.000.000 |
| | - Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp: | 768.000.000 |
| 1.1.2 | Kinh phí hoạt động thường xuyên | 550.000.000 |
| | - Kinh phí hoạt động | 495.000.000 |
| | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương | 55.000.000 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện tự chủ : | 300.000.000 |
| 1.2.1 | Kinh phí khám nghĩa vụ quân sự: | 140.000.000 |
| | - Kinh phí hoạt động | 126.000.000 |
| | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương | 14.000.000 |
| 1.2.1 | Kinh phí hoạt động XPVPHC lĩnh vực y tế, VSATTP | 160.000.000 |
| | - Kinh phí hoạt động | 144.000.000 |
| | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương | 16.000.000 |

Ghi chú :

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức: 55 triệu x 10 biên chế
- Số tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên được giữ lại ngân sách thành phố để thực hiện cải cách tiền lương năm 2019